

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 3 năm 2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đặng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Ân;
- Bà Mua Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2024/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thào Mí P; sinh năm: 1979; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Trồng trọt; địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 03/3/2025).

2. *Bị đơn:* Bà Giàng Thị M; sinh năm: 1984; dân tộc: Mông; địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 05/8/2024, bản tự khai ngày 05/8/2024 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 03/3/2025 ông Thào Mí P trình bày:

Ông P và bà Giàng Thị M, sinh năm 1984 qua tìm hiểu quen biết nhau sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang, sau khi kết hôn ông P và bà M về chung sống với nhau tại thôn Sủng

Làng, xã T. Ông bà chung sống hạnh phúc đến 29/02/2013 âm lịch, tức ngày 09/4/2013 thì bà M bỏ nhà xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, khi đi bà M dẫn theo hai con gái là Thảo Thị S, sinh ngày 09/10/2007 và Thảo Thị T, sinh ngày 17/7/2010 và biệt tích không có tin tức gì, mặc dù ông P và hai bên gia đình nhiều lần tìm kiếm nhưng không rõ tung tích của bà M và 02 con gái đang ở đâu còn sống hay đã chết, nên ngày 18/12/2023 ông P làm đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án nhân dân huyện Y về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với bà M, ngày 20/5/2024 Tòa án nhân dân huyện Y đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2024/QĐST-VDS về việc tuyên bố một người mất tích cho đến nay Quyết định nêu trên của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà vẫn chưa có tin tức gì về bà M và 02 con hiện đang ở đâu. Trong suốt thời gian bà M bỏ đi ông P đã một mình nuôi con chung là cháu Thảo Mí M. ông P nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa ông và bà M đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài tình trạng như hiện tại được nữa do vậy ông P làm đơn kính mong Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Giàng Thị M.

Về con chung: Ông P xác nhận ông và bà M có 03 con chung là Thảo Thị S, sinh ngày 09/10/2007, Thảo Mí M sinh ngày 05/8/2008 và Thảo Thị T, sinh ngày 17/7/2010. Khi ly hôn Ông P đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Thảo Mí M sinh ngày 05/8/2008, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con; đối với các cháu Thảo Thị S, sinh ngày 09/10/2007 và cháu Thảo Thị T, sinh ngày 17/7/2010 đã đi cùng mẹ là bà Giàng Thị M và biệt tích đến nay không có tin tức gì, do vậy ông P không có đề nghị gì về con chung là hai cháu Thảo Thị S, Thảo Thị T.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông P xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Giàng Thị M đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 05/2024/QĐST-DS, ngày 20/5/2024. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với bà Giàng Thị M nhưng bà M không có mặt để tham gia tố tụng.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/01/2025 đối với ông Đặng Văn T – Công chức tư pháp, hộ tịch xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang cung cấp: ông Thảo Mí P, sinh năm 1979 và bà Giàng Thị M, sinh năm 1984 cùng địa chỉ tại Thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang, đăng ký kết hôn ngày 22/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T. ông P và bà M có ba con chung là Thảo Thị S, sinh ngày 09/10/2007; Thảo Mí M sinh ngày 05/8/2008; Thảo Thị T, sinh ngày 17/7/2010. Quá trình chung sống không rõ ông P và bà M có xảy ra mâu thuẫn gì không đến tháng 4 năm 2013 bà M tự ý bỏ nhà đi và dẫn theo hai con gái là S và T đi cùng, đến nay vẫn không có tin tức gì về bà M và hai con gái ở đâu, làm gì, không thấy bà M và 02 con trở về địa phương. Sau khi bà M bỏ đi con trai là Thảo Mí M ở cùng với bố là ông P. Hiện nay ông P ở nhà làm nương, không có thu nhập ổn định. Mức thu nhập bình quân đầu người tại địa phương là 1.983.000^d/người/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Thào Mí P, cho ông P được ly hôn với bà Giàng Thị M. Về con chung: Giao cháu Thào Mí M, sinh ngày 05/8/2008 cho ông Thào Mí P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà M không Phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Thào Mí P.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Thào Mí P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Giàng Thị M, nơi cư trú cuối cùng tại Thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành quy định của Tòa án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thào Mí P và bà Giàng Thị M có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 22/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa ông Thào Mí P và bà Giàng Thị M là hợp pháp.

[4] Bị đơn bà Giàng Thị M đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 05/2024/QĐST-VDS, ngày 20/5/2024.

[5] Về căn cứ cho ly hôn: Ông Thào Mí P là chồng của bà Giàng Thị M là người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn, nên yêu cầu ly hôn với bà M của Ông P là có căn cứ, phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6] Về con chung: Ông P xác nhận ông và bà M có 03 con chung là Thào Thị S, sinh ngày 09/10/2007, Thào Mí M sinh ngày 05/8/2008 và Thào Thị T, sinh ngày 17/7/2010. Ông Thào Mí P xác nhận khi bà M bỏ đi đã dẫn theo hai con là cháu Thào Thị S, sinh ngày 09/10/2007 và cháu Thào Thị T, sinh ngày 17/7/2010 từ tháng 4 năm 2013 đến nay Ông P không có tin tức gì về hai con S và T, do ông P không yêu cầu giải quyết về hai con chung là Thào Thị S và Thào Thị T, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn ông P đề nghị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thào Mí M, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà M bỏ nhà đi đến nay cháu Mua vẫn sinh sống cùng bố là ông P, ngoài ra cháu Mua có đơn nguyện vọng xin được ở cùng bố nên việc giao cháu Thào Mí M cho ông P tiếp tục là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

[7] Về tài sản, công nợ chung: Ông Thào Mí P xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Ông Thào Mí P là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Mua Mí Xúa theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thào Mí P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Thào Mí P được ly hôn với bà Giàng Thị M.

2. Về con chung: Giao cháu Thào Mí M, sinh ngày 05/8/2008 cho ông Thào Mí P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Mua đủ 18 tuổi, bà Giàng Thị M không Phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cho ông Thào Mí P.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đặng